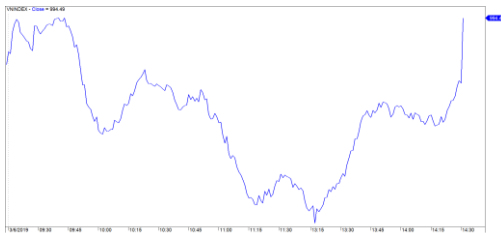


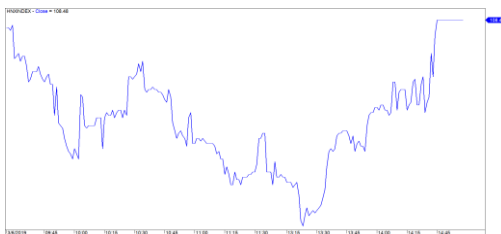
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	994.49	108.48	56.06
% ngày	0.21%	0.22%	0.14%
% tuần	0.43%	0.79%	0.83%
% tháng	9.44%	4.97%	2.28%
% năm	-11.23%	-14.80%	-8.11%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,489	582	240
TB 1 tuần	4,811	606	295
TB 1 tháng	4,472	556	317
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	706.00	24.03	12.47
Bán	632.74	11.88	8.59
Giá trị ròng	73.27	12.14	3.88
Độ rộng TT			
Mã Tăng	175	89	159
Mã Giảm	125	74	87
Không Đổi	85	219	615
Chỉ số chính			
P/E	16.89	10.15	17.22
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,257	203	993
LS Cổ tức	2.92%	4.01%	4.88%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Diễn biến tích cực phủ rộng trên các chỉ số tại thị trường Châu Á. Trong phiên sắc xanh chiếm áp đảo, dẫn đầu là thị trường Trung Quốc khi các chỉ số chính tăng hơn 1% còn lại những thị trường khác vẫn có mức tăng tốt. Ở chiều ngược lại, vẫn còn nhiều thị trường chịu áp lực giảm điểm nhẹ, đặc biệt là những thị trường có mức tăng khá tốt từ đầu năm đến nay.

Tạo ra điểm bứt phá vào phiên ATC đã giúp thị trường kết thúc trong sắc xanh. Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng hơn 0.2% vào cuối phiên lên 994.49 điểm. Các mã tăng giá đến từ nhóm may mặc, dầu khí và điện là chủ yếu như TNG (tăng trần), TCM, NIG. Nhóm cổ phiếu ngân hàng có sự phân hóa khi nhà VIC, CTG, SHB lại tăng nhẹ trong khi ACB MBB lại có sự điều chỉnh và đóng cửa ở mức tham chiếu. Với ngành bất động sản hôm nay cũng hoạt động khá tích cực. Thanh khoản toàn sàn có sự giảm nhẹ với tổng giá trị giao dịch khoảng 5,300 tỷ đồng.

Tiếp tục một phiên mua ròng của khối ngoại khi tổng giá trị mua ròng gần 90 tỷ đồng. Dòng vốn ngoại chảy liên tục vào CCQ E1VFN30 ngoài ra còn những cổ phiếu khác như PLX, HPG, VHM, VRE. Ngược chiều với đó là VJC, NBB, CTD lại bị khối ngoại bán ròng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng có khả năng sẽ tiếp tục biến động trong vùng giá 980 – 1,000 điểm của chỉ số VN-Index trong những phiên giao dịch tới. Đồng thời, dòng tiền vẫn có dấu hiệu suy yếu và chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Midcaps và Smallcaps cho nên chúng tôi vẫn đánh giá thấp khả năng vượt hoàn toàn mức 1,000 điểm của chỉ số VN-Index trong ngắn hạn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ và quay về vùng 70 – 80% cho thấy cơ hội tìm kiếm lợi nhuận trở nên khó khăn hơn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 934.50 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức cắt lỗ ở mức 105.95 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục nắm giữ tỷ trọng hiện tại và hạn chế mua mới hoặc chỉ nên mua mới với mức kỳ vọng thấp và thời gian nắm giữ ngắn (tức là chiến lược đánh nhanh – rút gọn).

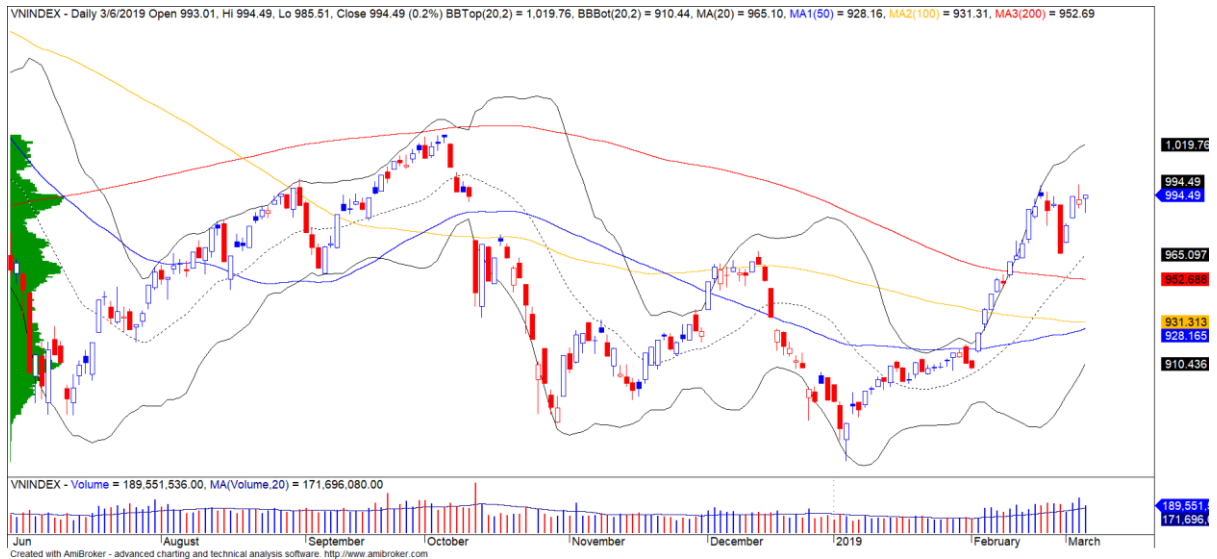
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 70% cổ phiếu/30% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	960	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	946	995	900	860
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,020	1,079	995	932
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	815	835	786	769

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16,650	TĂNG	TĂNG	15,400	16,035	8.12%			16,605		
ACB	30,300	TĂNG	GIẢM	30,200	29,599	0.33%			33,291		
ACV	88,000	TĂNG	TĂNG	88,300	86,517	-0.34%		90,000	78,184	-2.22%	
ANV	28,950	TĂNG	GIẢM	27,200	27,544	6.43%			31,024		
ASM	8,580	GIẢM	GIẢM		8,614				9,351		
BFC	22,300	GIẢM	GIẢM		22,465				25,187		
BID	34,750	TĂNG	TĂNG	34,600	32,400	0.43%		33,400	29,888	4.04%	
BMP	53,300	TĂNG	GIẢM	50,800	51,474	4.92%			54,542		
BSR	14,500	TĂNG	GIẢM	13,100	13,581	10.69%			15,250		
BVH	98,000	TĂNG	TĂNG	94,400	92,411	3.81%		86,000	88,082	13.95%	
BWE	25,750	TĂNG	TĂNG	25,700	24,215	0.19%		20,000	22,133	28.75%	
CEO	13,900	TĂNG	GIẢM	13,500	13,440	2.96%			14,755		
CHP	23,100	TĂNG	TĂNG	21,450	22,318	7.69%		23,000	20,825	0.43%	
CII	23,850	TĂNG	GIẢM	24,550	22,663	-2.85%			25,832		
CMX	15,900	GIẢM	TĂNG		17,238			5,910	13,022	169.04%	
CSM	14,900	GIẢM	TĂNG		15,214			14,390	13,911	3.54%	
CTD	133,000	GIẢM	GIẢM		139,810				152,745		
CTG	21,300	TĂNG	GIẢM	19,550	20,283	8.95%			22,209		
CTI	25,400	TĂNG	TĂNG	25,900	24,268	-1.93%		26,850	23,186	-5.40%	
CVT	24,950	TĂNG	TĂNG	19,900	23,013	25.38%		22,550	19,525	10.64%	
DCM	9,250	TĂNG	GIẢM	9,200	8,998	0.54%			9,978		
DGC	44,600	TĂNG	GIẢM	44,000	42,365	1.36%			47,020		
DGW	23,250	TĂNG	GIẢM	23,300	23,125	-0.21%			25,127		
DHA	35,000	TĂNG	TĂNG	32,250	31,984	8.53%		29,100	28,741	20.27%	
DHC	33,950	TĂNG	GIẢM	32,700	32,821	3.82%		35,200	34,601	-1.70%	MUA
DHG	119,000	TĂNG	TĂNG	77,500	112,381	53.55%		93,000	85,322	27.96%	
DIG	17,150	TĂNG	TĂNG	16,000	16,201	7.19%			16,496		
DPG	47,200	TĂNG	GIẢM	46,800	44,254	0.85%			52,441		
DPM	20,900	GIẢM	TĂNG		21,543			19,400	19,804	7.73%	
DPR	40,700	TĂNG	TĂNG	32,600	38,703	24.85%		35,950	35,774	13.21%	
DQC	28,700	TĂNG	TĂNG	27,700	25,803	3.61%		31,000	26,186	-7.42%	
DRC	23,200	TĂNG	GIẢM	22,200	22,083	4.50%			24,379		
DXG	25,850	TĂNG	GIẢM	24,700	24,522	4.66%			26,665		
EIB	17,400	TĂNG	TĂNG	17,800	16,435	-2.25%		14,700	16,280	18.37%	
FCN	15,950	TĂNG	TĂNG	13,900	14,316	14.75%			15,658		
FMC	28,800	GIẢM	TĂNG		30,529			24,700	27,888	16.60%	
FPT	44,600	GIẢM	GIẢM		45,823				45,324		
GAS	104,000	TĂNG	TĂNG	89,900	98,491	15.68%			100,384		
GEX	24,100	GIẢM	GIẢM		25,106			24,700	24,673	-0.11%	MUA
GIL	39,850	GIẢM	TĂNG		40,745			39,000	35,350	2.18%	

We Create Fortune

GMD	27,550	TĂNG	GIẢM	27,500	27,122	0.18%		29,123			
GTN	15,200	TĂNG	TĂNG	10,400	14,014	46.15%		15,000	11,796	1.33%	MUA
HAG	6,150	TĂNG	TĂNG	5,080	5,756	21.06%		5,650	5,603	8.85%	MUA
HAX	17,250	TĂNG	GIẢM	17,200	16,418	0.29%			17,965		
HBC	21,100	TĂNG	TĂNG	16,800	19,302	25.60%		20,250	19,374	4.20%	MUA
HCM	29,500	GIẢM	TĂNG		31,441			28,000	22,523	5.36%	
HDB	30,700	TĂNG	GIẢM	31,000	29,573	-0.97%			33,267		
HDC	14,300	GIẢM	GIẢM		14,618				14,709		
HDG	42,450	TĂNG	TĂNG	35,950	38,787	18.08%		37,400	32,495	13.50%	
HNG	15,900	TĂNG	GIẢM	15,100	15,230	5.30%			16,554		
HPG	35,000	TĂNG	TĂNG	29,500	33,352	18.64%		33,900	27,792	3.24%	
HSG	9,570	TĂNG	TĂNG	6,860	9,192	39.50%		9,300	8,479	2.90%	MUA
HT1	16,500	TĂNG	TĂNG	14,150	15,490	16.61%		14,800	13,681	11.49%	
HUT	4,300	TĂNG	GIẢM	3,800	3,557	13.16%			4,302		
HVN	42,400	TĂNG	TĂNG	42,900	40,015	-1.17%		39,000	34,635	8.72%	
KBC	15,200	TĂNG	TĂNG	14,250	14,213	6.67%		13,450	13,032	13.01%	
KDH	31,400	TĂNG	TĂNG	31,200	30,911	0.64%		33,000	28,037	-4.85%	
KSB	29,500	TĂNG	TĂNG	26,300	27,252	12.17%		28,900	27,640	2.08%	MUA
LCG	10,750	TĂNG	TĂNG	8,230	9,846	30.62%		9,200	7,868	16.85%	
LDG	14,800	TĂNG	GIẢM	14,950	13,862	-1.00%			16,835		
LHG	21,200	TĂNG	TĂNG	20,550	19,160	3.16%			20,947		
LPB	9,200	TĂNG	GIẢM	9,100	8,736	1.10%			9,825		
LSS	6,000	GIẢM	GIẢM		6,370				7,260		
MBB	22,150	GIẢM	TĂNG		22,439			21,850	19,807	1.37%	
MPC	44,800	GIẢM	TĂNG		48,541			47,500	39,995	-5.68%	
MSN	90,000	TĂNG	TĂNG	82,300	87,131	9.36%		89,000	88,530	1.12%	MUA
MSR	19,500	GIẢM	GIẢM		19,914				20,804		
MWG	88,100	GIẢM	GIẢM		90,314				92,376		
NDN	13,700	TĂNG	TĂNG	12,500	12,854	9.60%			13,356		
NKG	7,790	TĂNG	GIẢM	6,580	7,576	18.39%			7,821		
NLG	26,900	TĂNG	GIẢM	26,100	26,163	3.07%			28,488		
NT2	28,900	GIẢM	TĂNG		29,807			25,900	26,915	11.58%	
NTL	18,000	GIẢM	TĂNG		19,167			10,450	16,285	72.25%	
NVL	57,000	GIẢM	GIẢM		60,993				63,950		
OIL	14,900	GIẢM	GIẢM		15,202				16,188		
PAC	39,500	TĂNG	GIẢM	38,000	36,400	3.95%			40,378		
PC1	24,000	GIẢM	GIẢM		24,531				25,195		
PDR	26,800	TĂNG	GIẢM	26,150	25,764	2.49%			27,684		
PHR	45,700	TĂNG	TĂNG	29,300	43,448	55.97%		24,000	34,587	90.42%	
PLX	61,500	TĂNG	TĂNG	60,400	56,981	1.82%			60,986		
PNJ	99,900	GIẢM	GIẢM		101,001				101,983		
POW	16,850	GIẢM	TĂNG		17,085			16,550	14,933	1.81%	
PPC	23,950	TĂNG	TĂNG	18,550	22,899	29.11%		19,700	21,245	21.57%	
PTB	63,500	TĂNG	TĂNG	60,200	61,181	5.48%		64,000	56,808	-0.78%	
PVD	19,200	TĂNG	TĂNG	15,500	17,248	23.87%			17,923		
PVI	35,500	TĂNG	TĂNG	32,900	34,101	7.90%		33,000	30,368	7.58%	

We Create Fortune

PVS	22,000	TĂNG	TĂNG	18,900	20,584	16.40%		21,100	20,919	4.27%	MUA
PXS	4,880	TĂNG	TĂNG	4,280	4,047	14.02%			4,874		
QNS	43,000	GIẢM	TĂNG		43,539			41,500	3,468	3.61%	
REE	34,500	TĂNG	TĂNG	34,500	34,350	0.00%	MUA	35,100	30,633	-1.71%	
SAB	243,900	GIẢM	TĂNG		249,437			245,000	227,704	-0.45%	
SAM	7,310	TĂNG	TĂNG	7,090	7,245	3.10%		7,400	6,782	-1.22%	
SCR	7,810	TĂNG	GIẢM	7,750	7,553	0.77%			8,128		
SHI	8,390	TĂNG	TĂNG	6,850	8,067	22.48%		6,990	7,199	20.03%	
SJS	21,950	TĂNG	TĂNG	18,800	20,789	16.76%		18,100	18,742	21.27%	
SKG	15,100	TĂNG	GIẢM	15,400	14,672	-1.95%			17,457		
SSI	28,800	TĂNG	GIẢM	26,900	27,770	7.06%			29,029		
STB	12,650	GIẢM	TĂNG		13,155			13,000	11,486	-2.69%	
TCB	26,800	GIẢM	GIẢM		27,680				N/A		
TCM	33,500	TĂNG	TĂNG	24,350	31,185	37.58%		28,000	24,233	19.64%	
TDH	12,000	TĂNG	TĂNG	10,300	11,169	16.50%		11,650	11,264	3.00%	MUA
TLH	5,450	TĂNG	GIẢM	5,000	5,144	9.00%			5,686		
TNG	23,300	TĂNG	TĂNG	18,000	19,892	29.44%		12,000	15,917	94.17%	
VCB	62,700	GIẢM	TĂNG		64,091			62,000	54,738	1.13%	
VCG	28,400	TĂNG	TĂNG	25,100	26,549	13.15%		19,200	21,527	47.92%	
VFG	38,000	GIẢM	TĂNG		38,487			34,394	34,815	10.49%	
VGC	21,600	TĂNG	TĂNG	16,300	20,558	32.52%		19,100	17,592	13.09%	
VGT	12,600	TĂNG	GIẢM	11,600	11,433	8.62%			13,091		
VHC	98,700	TĂNG	GIẢM	97,200	93,071	1.54%			105,200		
VHM	91,800	GIẢM	TĂNG		95,528			80,000	77,013	14.75%	
VIB	19,200	TĂNG	GIẢM	18,000	18,407	6.67%			19,666		
VIC	117,700	TĂNG	TĂNG	109,100	112,845	7.88%		112,000	103,378	5.09%	
VIP	7,550	TĂNG	TĂNG	7,000	7,192	7.86%		7,350	6,632	2.72%	
VJC	121,000	GIẢM	GIẢM		123,327				130,367		
VND	17,700	TĂNG	GIẢM	16,800	17,063	5.36%			18,694		
VNG	22,000	TĂNG	TĂNG	18,301	21,399	20.21%		16,008	20,392	37.43%	
VNM	141,000	GIẢM	TĂNG		148,172			140,200	131,810	0.57%	
VPB	21,300	TĂNG	GIẢM	20,200	20,577	5.45%			22,887		
VPI	41,050	GIẢM	GIẢM		41,972				43,124		
VRC	18,400	TĂNG	GIẢM	18,400	18,159	0.00%	MUA		19,388		
VRE	34,500	TĂNG	TĂNG	30,400	32,945	13.49%		35,000	28,512	-1.43%	
VSC	43,350	TĂNG	GIẢM	42,700	43,004	1.52%			45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	994.49	0.21%
VN30	923.58	-0.01%
VN Mid	1,033.98	0.55%
VN Small	826.04	1.27%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	108.48	0.22%
HN30	200.79	0.22%
VNX AllSh	899.59	0.18%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.06	0.14%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	706.00	
Bán	632.74	
GT rỗng	73.27	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	24.03	
Bán	11.88	
GT rỗng	12.14	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	12.47	
Bán	8.59	
GT rỗng	3.88	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DCL	1150	6.97%
NBB	1200	6.86%
QCG	320	6.81%
FTM	1100	6.73%
DQC	1700	6.30%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	2100	9.91%
PVX	100	5.88%
HUT	200	4.88%
L14	1000	2.25%
TV2	2600	2.05%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	600	5.00%
VTP	6200	3.53%
NTC	2200	2.08%
GVR	200	1.98%
VIB	300	1.59%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-14800	-6.98%
HVG	-330	-4.71%
HSG	-340	-3.43%
NVL	-1800	-3.06%
CMG	-850	-2.76%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGS	-1300	-10.00%
NVB	-200	-2.30%
NDN	-300	-2.14%
DGC	-600	-1.33%
PVI	-400	-1.11%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGI	-600	-2.70%
BCM	-400	-1.59%
VEA	-700	-1.40%
MPC	-600	-1.32%
ACV	-800	-0.90%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	374,377	
VHM	304,806	
VNM	247,280	
VCB	233,659	
GAS	199,051	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,789	
VCG	12,456	
VCS	10,631	
PVS	10,372	
VGC	9,774	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	193,268	
VEA	66,323	
MCH	63,680	
HVN	60,457	
VGI	49,891	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
FLC	16,686,810	10,079,586
VSH	13,950,000	828,958
HSG	10,419,890	6,650,257
DLG	9,146,720	2,411,994
LCG	7,705,520	1,684,823

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HUT	5,625,969	2,117,958
SHB	5,059,862	5,971,187
PVS	4,134,296	4,442,435
ART	3,792,530	1,785,574
ACB	3,178,560	2,489,074

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VGT	1,414,104	1,029,535
BSR	1,197,088	1,810,830
PXL	1,116,077	246,533
TVP	826,599	49,193
HVN	815,962	1,020,488

Nguồn: Bloomberg & YSVN

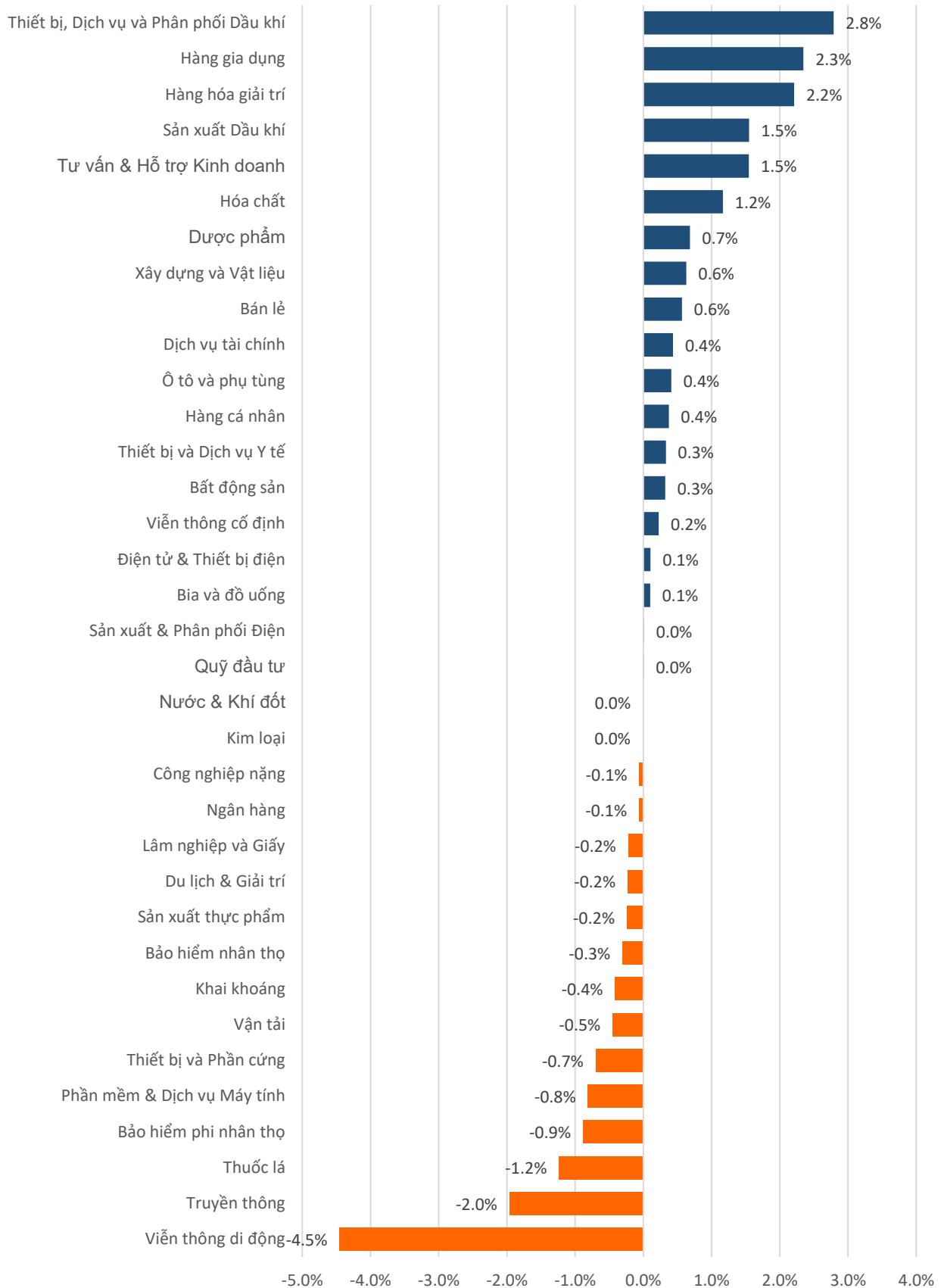
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



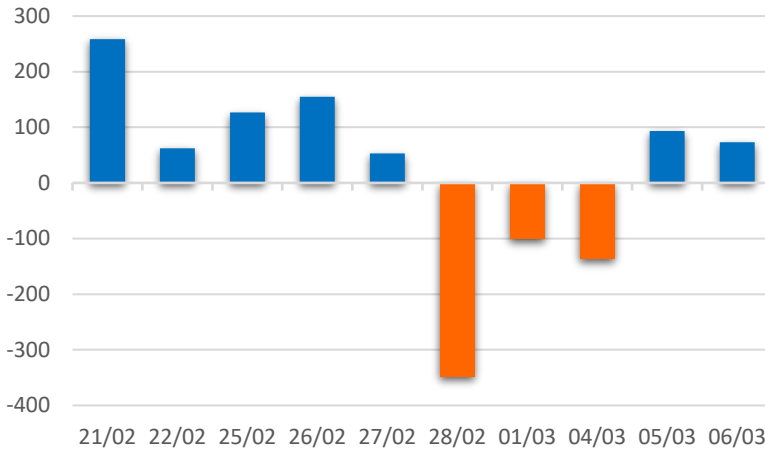
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

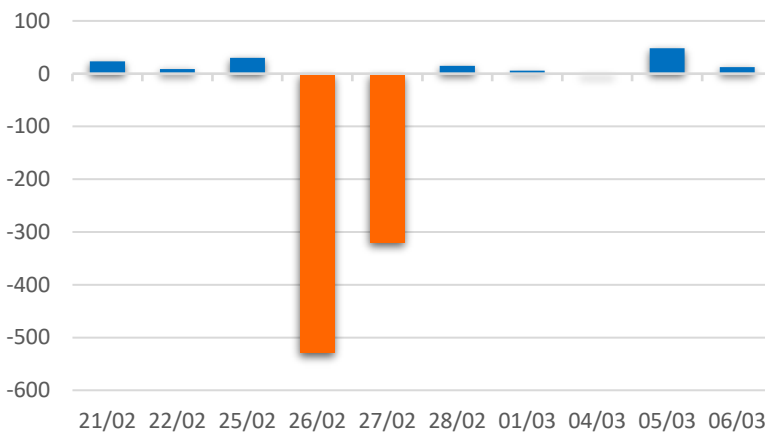
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	51,622	VJC	17,257
PLX	27,103	NBB	14,470
HPG	18,282	CTD	13,638
VHM	12,848	DQC	11,852
VRE	12,400	HBC	11,664

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

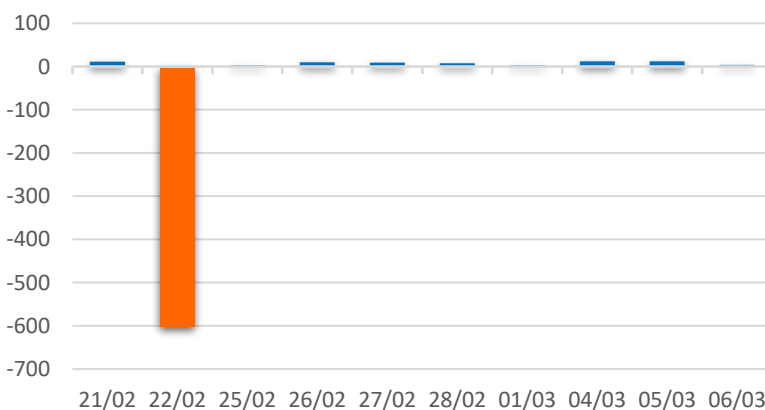
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	22,577	SHS	6,749
AMC	98	VGC	1,237
DHT	97	DBC	676
GDW	77	HGM	441
AMV	49	PGS	267

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	4,643	ACV	1,549
BCM	3,659	GVR	1,153
BSR	602	VEA	917
ICC	163	QNS	616
NTC	160	TCI	428

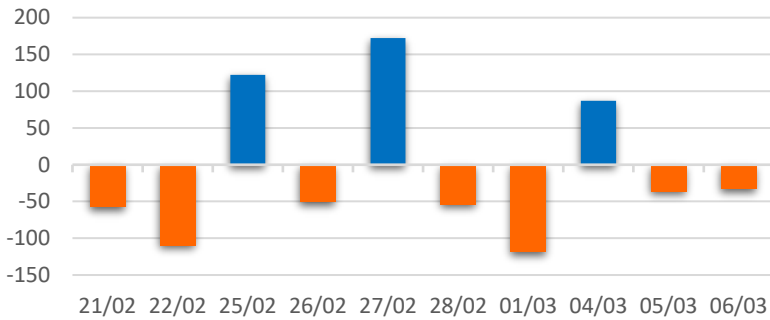
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

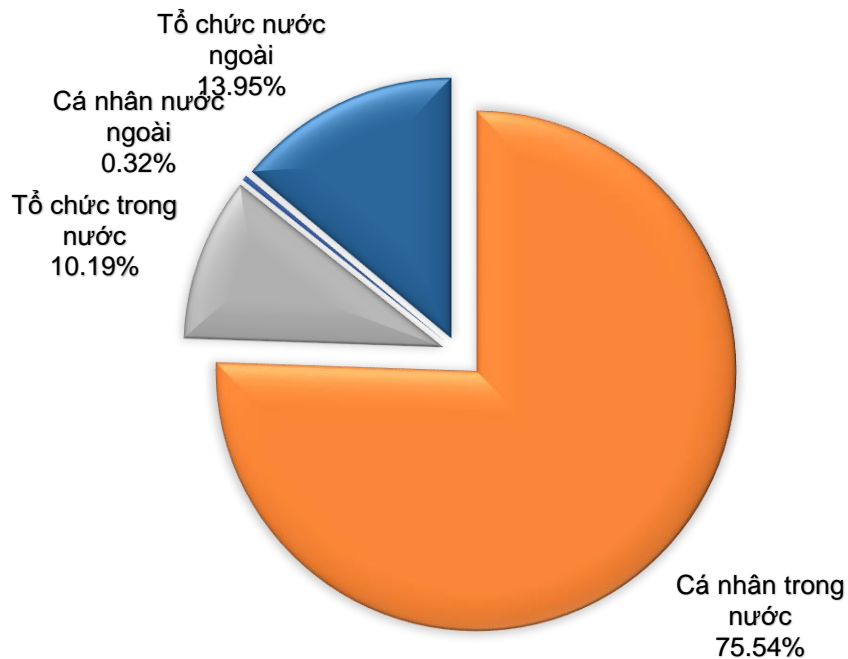
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng
(tỷ đồng)



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
VIC	6,301	VHM	82,253
FPT	5,604	E1VFN30	51,930
REE	3,842	PVD	7,645
DIG	3,559	VNM	5,357
MBB	3,315	VIC	5,061

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

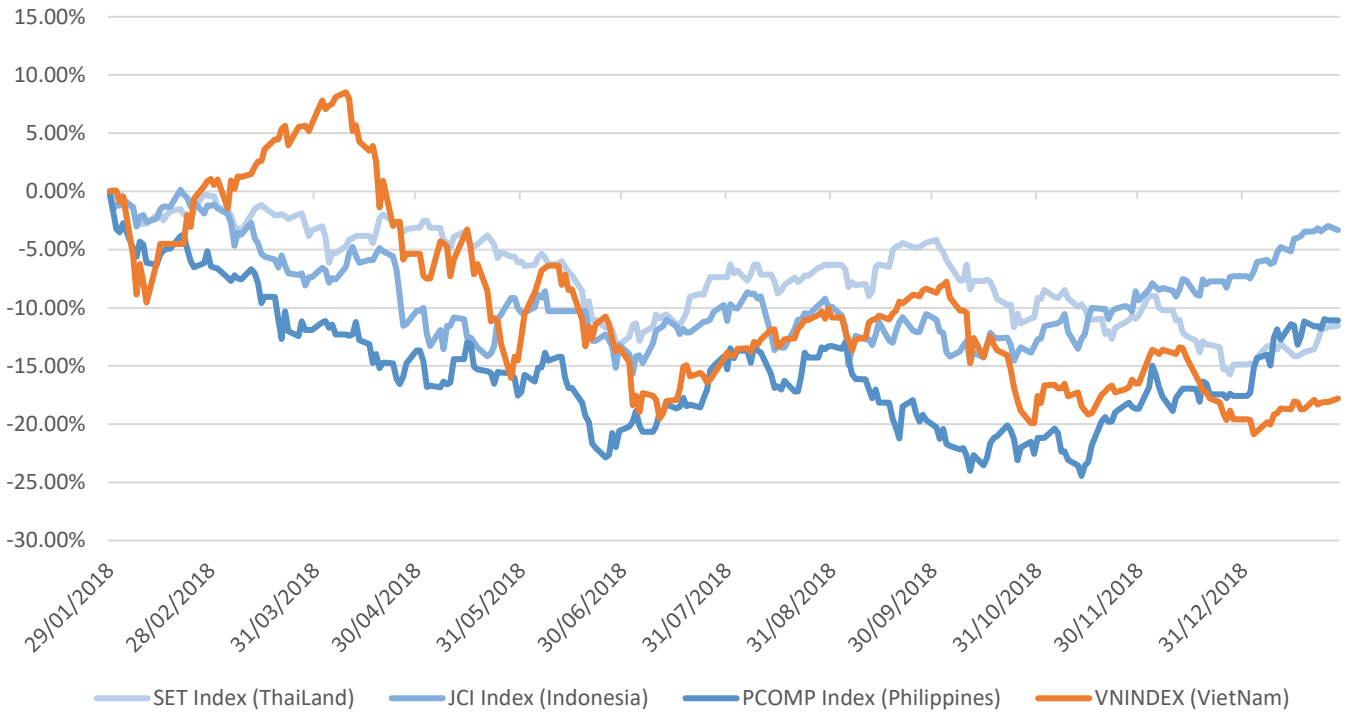


Nguồn: FinPro – YSVN



We Create Fortune

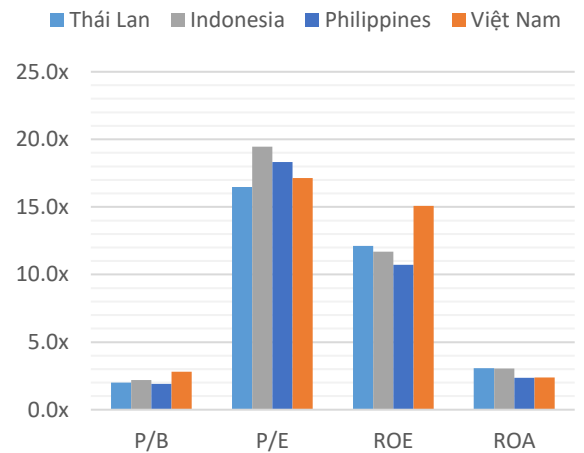
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written